

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày 12-01-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và ông Lý A Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thào A Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2020/TLST- HN&GD ngày 09 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Quàng Thị Đ**, năm sinh 1982; Địa chỉ: Bản Đ, xã QT, huyện TG, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn Thg**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Bản Ch, xã QT, huyện TG, tỉnh Điện Biên – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Quàng Thị Định trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Đ và anh Thg chung sống như vợ chồng, tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2001, đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện TG, tỉnh Điện Biên theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/04/2003. Trong quá trình chung sống sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lò Văn Thg nghiện ma túy, cờ bạc, có hành vi bạo lực gia đình, tẩu tán tài sản chung của gia đình. Từ những mâu thuẫn trên cuộc sống vợ chồng luôn bất hòa, không có tiếng nói chung, chị Đ đã bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ (tại bản Đ, xã QT, huyện TG, tỉnh Điện Biên) từ cuối năm 2017 và vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị Đ xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên

chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn Thg.

- Về con chung: Chị Đ và anh Thg có 02 người con chung, là Lò Thị L, sinh ngày 02/02/2002; Lò Thanh Đ, sinh ngày 01/11/2010. Sau ly hôn nguyên vọng của chị Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Lò Thanh Đ và không yêu cầu anh Lò Văn Thg cấp dưỡng nuôi con chung. Còn Lò Thị L đã thành niên và có khả năng lao động, chị Đ không đề nghị Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Chị Quảng Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lò Văn Thg khai: Anh Thg thống nhất với ý kiến của chị Đ. Anh chị tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện TG ngày 25/4/2003. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị Đ ngoại tình, thỉnh thoảng xảy ra cãi chửi nhau; vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, khi sống ly thân anh Thg vẫn gọi điện thoại hỏi thăm và thường xuyên đi lại thăm vợ, con. Hiện nay anh Thg vẫn còn tình cảm với chị Đ, không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng.

- Về con chung: Anh Lò Văn Thg thống nhất với ý kiến trình bày của chị Quảng Thị Đ, anh chị có 02 người con chung là Lò Thị L, sinh ngày 02/02/2002; Lò Thanh Đ, sinh ngày 01/11/2010. Trường hợp chị Đ cương quyết ly hôn, nguyên vọng của anh là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Lò Thanh Đ và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Còn Lò Thị L đã thành niên và có khả năng lao động, không đề nghị Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Anh Lò Văn Thg không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình cho thấy: Chị Đ và anh Thg tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh Thg, chị Đ có 02 người con chung, hiện nay các con đang sống ở cùng chị Đ tại bản Đ, xã QT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng không hợp, cuộc sống chung thường xảy ra cãi chửi nhau (BL 25, 26) nên chị Đ và anh Thg đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Quảng Thị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chị Quảng Thị Đ, anh Lò Văn Thg đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Quảng Thị Đ yêu cầu ly hôn. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của chị Đ, xử cho chị Đ được ly hôn với anh Lò Văn Thg.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao cháu Lò Thanh Đ, sinh ngày 01/11/2010 cho chị Quàng Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lò Văn Thg chưa cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Lò Thị L, sinh ngày 02/02/2002 đã thành niên và có khả năng lao động, không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Chị Quàng Thị Định, anh Lò Văn Thg không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quàng Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Quàng Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lò Văn Thg có địa chỉ tại bản Ch, xã QT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- Sự vắng mặt của bị đơn anh Lò Văn Thg tại phiên tòa, anh Thg có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt anh Thg tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị Đ và anh Lò Văn Thg kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/4/2003 của UBND xã QT (BL 02) xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Quàng Thị Định và anh Lò Văn Thg là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Chị Quàng Thị Đ, anh Thg thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị Đ, anh Thg được thể hiện qua biên bản xác minh của Tòa án (BL 23, 24, 25, 26). Hội đồng xét xử nhận định về tình cảm vợ chồng, chị Đ và anh Thg không còn yêu Thg, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau đã vi phạm nghiêm trọng những nguyên tắc cơ bản về quyền và nghĩa vụ về nhân thân, tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Điều đó thể hiện tình trạng hôn nhân của chị Đ, anh Thg đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Anh Lò Văn Thg không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm yêu Thg chị Đ là không có cơ sở; bởi thực tế anh chị đều thống nhất đã sống ly thân không ai quan tâm tới ai.

Xét thấy chị Quàng Thị Đ, anh Lò Văn Thg đã sống ly thân một thời gian dài, không ai quan tâm tới ai, căn cứ tình trạng hôn nhân và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Đ, anh Thg có 02 người con chung là Lò Thị L, sinh ngày 02/02/2002; Lò Thanh Đ, sinh ngày 01/11/2010. Lò Thị L đã thành niên và có khả năng lao động, các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn Lò Thanh Đ Hội đồng xét xử xét thấy chị Đ, anh Thg đều có nguyện vọng yêu cầu được nuôi con khi ly hôn. Chị Đ có nơi ở ổn định, thu nhập từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ/ 01 tháng và Lò Thanh Đ đang sống ổn định với chị Đ, do chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân cho đến nay, còn anh Thg thường xuyên phải đi làm xa không ở nhà. Căn cứ nguyện vọng của con và điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai bên, để tránh làm xáo trộn cuộc sống ảnh hưởng đến tâm lý của con, giao cho chị Quàng Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên Lò Thanh Đ là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Quàng Thị Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Đ không yêu cầu anh Lò Văn Thg cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Quàng Thị Đ, anh Lò Văn Thg không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Chị Quàng Thị Đ là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chị Đ được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị Đ được ly hôn anh Lò Văn Thg.

2. Về con chung: Giao Lò Thanh Đ, sinh ngày 01/11/2010 cho chị Quàng Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh Lò Văn Thg chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Quàng Thị Đ có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Lò Văn Thg có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Quàng Thị Đ và anh Lò Văn Thg có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quàng Thị Đ.

4. Quyền kháng cáo: Chị Quàng Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/01/2021). Anh Lò Văn Thg có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã QT, huyện TG;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng A Tăng